

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 235/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

*V/v: Ly hôn, con chung
giữa chị M, anh K.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thái;

Ông Nguyễn Ngọc Phán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2020/TLST- HNGĐ ngày 11-5-2020 về việc xin ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-8-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31-8-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị M xin vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu M trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu M và anh Trịnh Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23-9-2013. Sau khi kết hôn, anh K và chị M chung sống tại nhà mẹ đẻ của anh K được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi

nhau. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên tháng 9 - 2018 hai người đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình vợ chồng không còn nên chị M làm đơn xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Duy B, sinh ngày 12-01-2015, hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị M xin được nuôi dưỡng cháu Tiên và không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã kết hợp với Công an xã Hải HB giao Thông báo thụ lý số 123/TB-TLVA, ngày 11-5-2020 hợp lệ cho anh Trịnh Văn K và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh K không gửi các văn bản trình bày ý của mình về yêu cầu khởi kiện của chị M, không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt. Ngày 18-8-2020 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31-8-2020 cho anh Trịnh Văn K, tuy nhiên anh K vẫn vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trịnh Văn K là bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh K.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu M và anh Trịnh Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 23-9-2013. Do trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Tháng 9-2018, chị M đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị M đề nghị xin được ly hôn anh K.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu M đối với anh Trịnh Văn K thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh K là trầm trọng, chị M và anh K đã sống ly thân thời gian dài nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Mặt khác sau khi thụ lý đơn xin ly hôn của chị M, Tòa án

đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh K và chị M là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M đối với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu M và anh Trịnh Văn K có 01 con chung là cháu Trịnh Duy B, sinh ngày 12-01-2015, hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị Thu M thì thấy: Cháu Trịnh Duy B hiện đang do chị M nuôi dưỡng; chị M có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định. Anh K không có ý kiến gì về nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu B nên tiếp tục giao cháu B cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh K được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh K thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ; anh K không có ý kiến gì về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu M và anh Trịnh Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Duy B, sinh ngày 12-01-2015 cho chị Nguyễn Thị Thu M chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Tiên đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trịnh Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M và được quyền đi lại

chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002098 ngày 11-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải HB: 01 bản;
- Đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng:

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái